TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 29 - 01 - 2026
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Nhân và ông Văn Anh Trình.
- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kiều Oanh, Thư ký Tòa án nhân khu vực 4 - Quảng Trị.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 25/12/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2026/QĐST- HNGĐ ngày 14/01/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị M, sinh năm 1994; CCCD số : 0441944002389; địa chỉ: Thôn T, xã K, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1990; CCCD số:044090002171; địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 02/10/2025, bản tự khai ngày 14/11/2025 nguyên đơn chị Trương Thị M đều trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức T tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình (cũ) vào ngày 10/6/2015.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau chỉ được khoảng một thời ngắn thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không phù hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị M và anh T sống ly thân từ tháng 11/2015 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Hiện tại, chị M xét thấy tình cảm giữa chị và anh T không còn, nên chị yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

Về con chung: Chị M trình bày chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 13/10/2025. Từ khi vợ chồng sống ly thân con vẫn với chị M, nên chị M có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Về tài sản chung: Không có, nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 19/12/2025 chị Trương Thị M có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, trong đơn chị M trình bày:

Về tình cảm: Chị Trương Thị M xin được ly hôn anh Nguyễn Đức T; về con chung: Chị M và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 13/10/2025, chị M có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị; về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đức T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai cũng như các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được tống đạt hợp lệ.

Theo xác nhận của Công an xã T, tỉnh Quảng Trị và gia đình anh T cung cấp: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1990; nơi đăng ký HKTT tại xã T, tỉnh Quảng Trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Trương Thị M vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn theo điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Đức T đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị M và anh Nguyễn Đức T đăng ký kết hôn ngày 10/6/2015 tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình (cũ) là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn (theo chị M trình bày) vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không phù hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cải vả, nói nhau. Anh, chị sống ly thân từ tháng 11/2015 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa.

Anh Nguyễn Đức T đã được Tòa án thông báo các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, phiên tòa lần thứ hai cũng được tống đạt hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Qua xác nhận của Công an xã T: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1990; nơi đăng ký HKTT tại xã T, tỉnh Quảng Trị. Nhưng sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt cho anh T mà anh vẫn vắng mặt, qua đó chứng tỏ anh T cố tình không chấp hành các thông báo, giấy triệu tập của Tòa án, không quan tâm bảo vệ hạnh phúc gia đình và không tha thiết hàn gắn tình cảm với chị M nữa. Chị M xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và yêu cầu xin được ly hôn anh T. Xét thấy, tình cảm vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho hai bên ly hôn nhau là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Xét chị M, anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 13/10/2015. Từ khi vợ chồng sống ly thân con vẫn ở với chị M, trong quá trình giải quyết vụ án và tại Đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, chị M có nguyện vọng xin được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với chị. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại con đang còn nhỏ, sống với chị M đã lâu, nên cần chấp nhận theo yêu cầu của chị M, giao con Nguyễn Thị

Kim N cho chị M được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị M, bởi chị không yêu cầu và chị có đủ điều kiện để nuôi con là phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Không có, chị M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Thị M;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị M và anh Nguyễn Đức T được ly hôn nhau.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 13/10/2015 cho chị Trương Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị M. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trương Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Tiền án phí chị M phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Quảng Trị theo biên lai số 0000786 ngày 13/10/2025. Chị M đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV4 - Quảng Trị;
- THADS KV 4 - Quảng Trị;
- UBND xã K;

ĐKKH ngày 10/6/2015;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Công an xã K;
- Lưu HS; Lưu VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hương